GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HOÁ CHÙA KEO LÀNG HÀNH THIỆN, NAM ĐỊNH

THS. KHÚC MẠNH KIÊN*

1- Thiền sư Dương Không Lộ sinh ngày 14 tháng 9 (Âm lịch) năm Bính Thìn (1016), niên hiệu Thuận Thiên thứ 7, đời Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn), mất tháng Sáu năm Giáp Tuất (1094). Truyền thuyết kể rằng, ông đã có công chữa khỏi bệnh hoá hổ cho vua Lý Thần Tông, truyền dạy nghề đúc đồng, làm thuốc cứu nhân dân, được tôn vinh là ông tổ nghề đúc đồng, đan lát, nghề y... hiện còn nhiều nơi thờ phụng, như ở vùng Ngũ Xã (Hà Nội), Đại Bái (Bắc Ninh), Tống Xá, Ý Yên (Nam Định) và được Lý Nhân Tông phong là "Phù Vân quốc sư". Năm Quý Mão (1063), thiền sư xây dựng chùa Nghiêm Quang, được coi là một danh thắng và quy mô bề thế bậc nhất của nước Đại Việt thời bấy giờ[1]. Năm 1167, đời vua Lý Anh Tông, đổi tên chùa Nghiêm Quang thành chùa Thần Quang. Vì chùa Keo nằm trên đất của ấp Giao Thuỷ, mà từ "Giao" có nghĩa nôm là Keo nên dân gian gọi là chùa Keo.

Theo "Thiền uyển tập anh ngữ lục", bản in tháng tư năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715): "Thiền sư Dương Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang, phủ Hải Thanh, mấy đời làm nghề câu cá, sau bỏ nghề ấy mà đi tu, thường hay đọc kinh "Già la ni môn". Trong các năm Chương Thánh, Gia Khánh, đời Lý Thần Tông, ông thường cùng đạo hữu ẩn dật ở đất Hà Trạch, quên cả thân mình, không đi đến đâu, tập trung tu thiền định. Bỗng thấy tâm thần, tai mắt sáng sủa, có thể bay trên không, đi trên băng giá, bắt hổ phải phục, bắt rồng phải giáng, vô cùng quái đản, khiến người ta không sao lường biết được. Sau ông tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở... Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 thì tịch, môn nhân thu xác táng ở cửa chùa, vua hạ chiếu cho mở rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hỏa. Ngoài ra, sách còn chép: thiền sư Không Lộ thuộc đời thứ 9 của thiền phái Vô Ngôn Thông và đời thứ 2 của thiền phái Thảo Đường[2].

Trong cuốn "Quốc sư bảo lục" của TS. Đặng Xuân Bảng, người làng Hành Thiện, biên soạn vào cuối thế kỷ XIX có đoạn viết: "Không Lộ họ Dương... quán ở Hải Thanh... Không Lộ sinh năm Bính Thìn, niên hiệu Thuận Thiên thứ 7 (1016), đời Lý Thái Tổ... tịch năm Giáp Tuất, niên hiệu Hội Phong thứ 3 (1904), đời Lý Nhân Tông".

Trong sách "Lĩnh nam chích quái" của Vũ Quỳnh, Kiều Phú chép: "Thiền sư Không Lộ, chùa Nghiêm Quang, huyện Hải Thanh là người họ Dương ở Hải Thanh, mấy đời làm nghề đánh cá, bỏ nghề ấy đi tu, thường hay đọc kinh Già la ni môn... Sau tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở... Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 thì chết; môn nhân thu xác táng ở cửa chùa. Vua hạ chiếu cho sửa rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hoả"[3].

Cuốn "Không Lộ thiền sư ký ngữ lục" bằng chữ Hán, không rõ tên tác giả và viết từ thời nào, hiện đang lưu giữ tại chùa Keo, Thái Bình chép: "Vị thiền sư Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang tại Hải Thanh, là người Hải Thanh, họ Dương, huý là Minh Không thiền sư, theo nghiệp nhà, làm nghề chài lưới... Về sau, sư bỏ nghề đi tu, theo phái Đà la môn. Năm Chương Thánh Gia Khánh thứ nhất (1059), sư cùng bạn là Giác Hải ra ngoài nước. Lúc đầu, sư theo học cư sĩ Bảo Tài Ngô Xá, rồi sau theo học thiền sư Thảo Đường và đắc đạo. Sau đó, sư cùng Giác Hải tìm đến am Mục Ngưu, làng Đô Lâu,

* Sở VHTTDL Nam Định

cùng tu ở chùa Hà Trạch. Sư thường được nhà vua ban kiệu rước về đế đình để cầu đảo giúp nước cứu dân (lần nào cũng linh nghiệm) và giảng đạo pháp cho nhà vua. Năm Minh Đạo thứ nhất, sư lại có công phá được giặc Chiêm Thành, nhà vua sắc ban cho sư năm mẫu ruộng ở làng Dũng Nhuệ, lập chùa Thần Quang, sai quan chức và thợ nhà vua đến làm "phương không" cho sư ở, tu trì. Lại tới năm Thiên Phù Duệ Võ thứ 3, cho đúc một quả chuông nặng ba ngàn cân và tạc một bia đá. Năm Bính Thìn, niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ 4, lúc đó Lý Thần Tông bị một bệnh lạ, tâm thần hoảng loạn, tiếng kêu đau đáng sợ, như tiếng hổ gầm. Các lương y trong thiên hạ được triệu đến chữa đều bó tay. Thiền sư sai mang chảo lớn đổ đầy dầu vào rồi đun lên. Khi dầu sôi, nhà sư thò tay khoắng bốn lần rồi tắm vua trong chảo. Con bệnh liền tỉnh ra và khỏi hẳn. Hôm đó vào ngày 28 tháng 3, nhà vua khỏi bệnh bình an, liền đại xá thiên hạ, sắc phong Không Lộ làm Đại Pháp sư kiêm Quốc sư, cho nhà sư được hưởng thực ấp với số hộ là 130 người, còn ruộng đến vạn khoảnh, để khen thưởng.

Nhà sư về ở chùa Thần Quang giúp nước cứu dân và truyền giáo pháp. Năm Hội Trường Đại Khánh thứ nhất, ngày mồng ba tháng 6, sư báo cho môn đồ biết mình sắp tịch. Đang đêm thì phi thăng, thân thể biến thành khúc gỗ trầm hương. Môn đồ lấy áo đắp và đặt lên giường, khúc gỗ đó hóa thành hình tượng.

Vua biết tin xuống chiếu cho tu sửa chùa Thần Quang và đem thực ấp của nhà sư với số hộ 130 người phân thành 8 đô để phụng sự hương hỏa".

Về tư liệu bia ký còn hai tấm: Bia thứ nhất ở trước tòa Phụ Quốc (chùa Keo, Thái Bình) có hình vuông, bốn mặt khắc niên hiệu Chính Hoà thứ 10 (1689) ghi: "Chùa này thờ ông Không Lộ, rất linh thiêng, được vua nhà Lý cấp ruộng đất ngàn mẫu". Tấm bia thứ hai lưu giữ tại chùa La Vân, có nhắc đến vị thiền sư Dương Không Lộ, được dựng vào năm Đức Long thứ 5 (1633).

Như vậy, qua khảo cứu, ghi chép của các thư tịch cổ, thiền sư Không Lộ họ Dương, huý là Minh Nghiêm, hiệu là Không Lộ, sinh ngày 14 tháng Chín năm Bính Thìn (1016), niên hiệu Thuận Thiên thứ 7, đời Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn), quê ở làng Giao Thuỷ, phủ Hải Thanh (đời Nguyễn đổi thành phủ Xuân Trường). Thiền sư ban đầu làm nghề đánh cá, về sau đi tu tại chùa Nghiêm Quang, huyện Hải Thanh. Vào khoảng đời vua Lý Thần Tông, thiền sư cùng thiền sư Giác Hải đến tu tại đất Hà Trạch. Sau thời gian tu luyện, có nhiều phép thuật lạ kỳ, như bay trên không, đi trên nước, hàng long, phục hổ. Thiền sư tịch ngày 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất (1094), đời vua Lý Nhân Tông. Thiền sư được nhân dân thờ phụng với tư cách là sư tổ sáng lập nên hai ngôi chùa nổi tiếng ở vùng châu thổ Bắc bộ là chùa Keo làng Hành Thiện (Nam Định) và chùa Keo làng Dũng Nhuệ (Thái Bình).

2- Chùa Keo tọa lạc ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Địa thế chùa rất đẹp, hẳn khi dựng chùa người xưa đã chọn lựa kỹ càng như bài minh trên bia "Thần Quang tự Đại Pháp sư bi" (chùa Keo) đã ghi: "chùa Thần Quang, xã Hành Cung, huyện Giao Thuỷ, phủ Thiên Trường là nơi vượng khí trời Nam, danh lam nước Việt. Núi cao chót vót nghìn hàng như dáng rồng, dáng hổ, dòng ngân nước uốn mênh mông, khúc lượn quanh co cuồn cuộn, anh linh do cảm khôn chung đúc, tu luyện thành tiên thành Phật".

Phía trước chùa có hồ nước trong xanh, phía Đông là biển, sông Hồng ở phía Bắc, phía Nam là sông Ninh Cơ bao bọc. Theo quan niệm phong thuỷ xưa thì vùng đất này có thế "tay ngai", tiện cho việc dựng chùa chiền, lâu đài, thành quách.

Theo TS. Nguyễn Xuân Năm, chùa Thần Quang (chùa Keo) được thiền sư Dương Không Lộ xây dựng từ thời Lý, do dòng sông Hồng đổi dòng và sự thay đổi địa lý, lịch sử, hành chính... nên địa danh Long Kiều không còn tồn tại. Nhưng căn cứ vào nguồn sử liệu còn lại, đặc biệt là phong cách thờ tự "tiền Phật hậu Thánh" tức ngoài thờ Phật, có thể chùa Thần Quang (chùa Keo) này là ngôi chùa cổ Long Kiều...[4].

Đến nay chùa đã được trùng tu, sửa chữa nhiều lần. Theo văn bia, các lần sửa chùa gồm:

Năm thứ 10 niên hiệu Vĩnh Tộ, triều Lê Thánh Tôn (1628): sửa lại chùa và tả vu, hữu vu.

Năm thứ 9 niên hiệu Cảnh Trị, triều Lê Huyền Tôn (1671): sửa lại chùa.

Năm thứ 5 niên hiệu Chính Hoà, triều Lê Hy Tôn (1685): sửa lại chùa.

Năm thứ 7 niên hiệu Thành Thái (1896): sửa lại chùa.

Năm 1962, chùa Keo được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử - văn hóa, từ đó đến nay chùa còn được tu sửa, tôn tạo nhiều lần.

Chùa nhìn về hướng Nam, tạo được sự mát mẻ về mùa hè và ấm áp vào mùa Đông. Theo các nhà nghiên cứu, hướng Nam còn được giải thích là hướng của trí tuệ, của Bát nhã, mang tính dương, gắn với điều thiện và hạnh phúc. Với người Trung Hoa, hướng Nam là hướng của đế vương, của thần linh: "thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ" (thánh nhân quay mặt về phía Nam mà nghe lời tâu bày của thiên hạ). Phật và Bồ tát quay mặt về hướng Nam để nghe lời kêu cứu của chúng sinh trong kiếp đời tục luỵ, để dùng pháp lực vô biên, vô lượng mà cứu vớt[5].

Tổng diện tích của chùa hiện nay chừng khoảng 5 mẫu Bắc bộ (xấp xỉ 2ha). Các công trình phụ trợ, như hành lang, nhà tổ, nhà oản, nhà bếp có vai trò như hệ thống tường bao bọc xung quanh, cùng với cổng tạo thành một khuụng hình chữ nhật bọc kín cụm kiến trúc chùa chính ở giữa. Chính vì vậy, chùa có kiến trúc theo kiểu "nội công ngoại quốc", tổng thể gồm 121 gian liên hoàn, đối xứng nhau qua trục linh đạo. Theo cố PGS. Chu Quang Trứ: thuật ngữ "tiền Phật hậu Thánh" là tên gọi mặt bằng dạng chùa thờ Phật là chính, thờ thánh là kết hợp. Và, do đó, nơi thờ thánh ở vị trí phụ[6]. Nhiều người nói rằng, "tiền Phật hậu Thần" là một kiểu thức xây dựng riêng cho tất cả những nơi thờ Không Lộ thiền sư[7].

Nghi môn (có tài liệu gọi là tam quan ngoại) gồm 3 gian tường hồi bít đốc là một kiến trúc có niên đại muộn, giá trị nghệ thuật không cao.

Tam quan chùa Keo được xây sát đường đi, gần hồ nước có mặt bằng hình chữ nhật. Kiến trúc này gồm ba gian, hai chái, làm theo kiểu chồng diêm (hai tầng tám mái), thể hiện quan điểm triết lý phương Đông sâu sắc - Theo một số nhà nghiên cứu, đối với kiến trúc hai tầng tám mái, thì công trình này được nhìn nhận như Thái cực. Tầng mái trên (nhẹ) tượng trưng cho dương, tầng mái dưới (nặng) tượng trưng cho âm. Âm dương đối đãi mà thành tứ tượng, được coi như bốn phía mái. Tứ tượng đắp đổi thành "bát quái" - tám lá mái.

Tam quan có ba lối vào, theo triết lý Phật giáo, thể hiện ba điều cần soi xét kỹ trước khi vào cửa Phật. Cửa bên hữu là không quan (mọi vật cùng/đều từ bản thể cốt lõi chung), cửa bên tả là giả quan (sự vật biến hoá vô thường), cửa giữa là trung quan (là cửa trí tuệ đi vào giải thoát). Sau tam quan là nhất chính đạo - con đường đi đến giác ngộ. Mỗi khi chúng sinh bước qua tam quan thì phần nào đã mang tâm Phật, ít nhiều giác ngộ được cái vi diệu của đạo pháp.

Hai đầu hồi tầng dưới của tam quan được bịt kín bởi hệ thống đố lụa. Chiều cao của tam quan là 7,50m, cốt nền cao hơn mặt đường 0,1m. Bộ khung tam quan làm bằng gỗ lim, được tạo thành bởi liên kết của các vì kiểu bốn hàng chân, mỗi vì có hai cột cái, hai cột quân. Cột cái có chiều cao đến hết tầng hai của mái, riêng các cột cái ở hai đầu hồi có dựng hai cột quân xung quanh để đỡ các bẩy góc. Toàn bộ kiến trúc này có tám cột cái và mười sáu cột quân, theo kiểu thượng thu hạ thách, được đặt trên các chân tảng đá hoa sen. Cứ hai cột cái liên kết với nhau bằng một quá giang và liên kết với cột quân bằng các xà nách, phía dưới các xà nách là các bẩy hiên tạo thế đưa mái ra xa. Các bộ vì được làm theo kiểu chồng rường, giá chiêng. Các con rường với lưng cong vồng lên để đỡ các cấu kiện của hệ mái, như hệ thống hoành, rui, mè, ngói.

Mặt sàn lát gỗ ngăn đôi hai tầng, ở giữa để một ô thoáng lớn, mang ý nghĩa thông thiên địa. Giữa hai tầng mái được phân cách bằng một dải hoa chanh kéo dài xung quanh cả bốn phía, trên dải hoa chanh là hàng lan can con tiện có chức năng đảm bảo độ sáng cho kiến trúc bên trong và tạo cho tổng thể gác chuông khỏi trống trải. Tam quan có hệ thống 3 cửa bức bàn, thường được đóng kín, chỉ mở ra trong những ngày hội. Việc đi lại hàng ngày qua hai cửa phụ ở hai bên tam quan.

Kiến trúc chùa gồm tiền đường, nhà cầu và thượng điện. Mái chùa thấp, chiều cao từ sân đến tàu mái xấp xỉ 2m. Vách chùa được bưng kín xung quanh bởi hệ thống đố lụa, phía trước là hệ thống cửa bức bàn.

Tiền đường, thiêu hương, thượng điện có kiến trúc khá giống nhau, mặt bằng hình chữ công. Những công trình được liên kết bằng hệ thống xà; các bộ vì được kết cấu theo kiểu giá chiêng. Hầu hết cấu kiện không được chạm khắc, mà chỉ bào trơn đóng bén. Giữa các đơn nguyên kiến trúc của chùa không có cửa ngăn cách, tạo cho chùa có không gian tương đối thoáng.

Đằng sau thượng điện là một sân lát gạch, có chức năng như giếng trời (thiên tỉnh). Chiều rộng của sân chừng 5m, tạo thành ranh giới phân chia hai khu vực thờ Phật và thờ thánh. Đứng ở sân gạch này, chúng ta có thể quan sát tổng thể cả kiến trúc chùa, với hai dãy hành lang nối gác

chuông, tam quan, khu nhà thờ tổ, nhà oản...

Đền thờ thánh: mặt bằng hình chữ công, giống chùa về kết cấu kiến trúc. Nền đền thờ thánh gồm hai cấp (cao hơn chùa thờ Phật một cấp), cao hơn sân chừng 0,40m, bó vỉa bằng đá xanh. Bái đường gồm 5 gian, là nơi du khách thập phương và tín đồ hành lễ. Các toà đệ nhất, đệ nhị, bái đường được ngăn cách bằng hệ thống cửa nhỏ, thấp kiểu thượng song, hạ bản, tạo cho khu đền dáng thâm nghiêm, trầm mặc. Xung quanh đền thờ thánh cũng bưng kín bằng gỗ, rất ít ánh sáng lọt vào trong đền, tạo nên một không gian thâm nghiêm.

Giữa toà bái đường và tòa đệ nhị có bộ cửa mười cánh, được chạm thủng hình rồng, mây, hoa, lá với các hình đao mác sinh động, phong phú. Các tấm lá gió ở toà tiền đường cũng được chạm nổi các hình rồng cuộn, dáng rồng chắc khoẻ điểm xuyết các hình vân mây, đao mác...

Hai dãy tả vu, hữu vu (hành lang) được xây dựng đối xứng hai bên chùa Phật và đền thánh. Mỗi dãy có bốn mươi gian, nối liền từ tam quan, dọc theo chiều sâu chùa, tạo thành hệ thống tường vây khép kín, bao bọc lấy chùa, đền theo dạng kiến trúc "tứ thủy quy đường". Công trình này là nơi dành cho Phật tử nghỉ ngơi, sửa soạn đồ dâng cúng trước khi vào lễ. Tuy nhiên, tả vu, hữu vu chùa Keo ngoài chức năng thông thường kể trên, còn là nơi để trải đua ngày hội, nhằm tránh mưa, nắng.

Nhìn chung, dạng thức kiến trúc độc đáo này, với chức năng thờ tiền Phật, hậu Thánh, được xây dựng hầu hết ở những nơi có thờ thiền sư Không Lộ, như chùa Keo làng Hành Thiện, chùa Keo làng Dũng Nhuệ (Thần Quang tự), chùa Cổ Lễ, chùa Bi (Nam Giang, Nam Trực)...

Để cho công trình chùa Keo bớt đi vẻ nặng nề, đơn điệu, các nghệ nhân xưa đã chạm khắc các đề tài trang trí như hoa, lá, nghê, rồng trên các cấu kiện của các công trình kiến trúc...

Trên gác chuông, tất cả các đầu bẩy đều được chạm khắc các hình hoa lá cách điệu, nhiều nhất là hình hoa "cúc dây". Hệ thống đầu dư chạm rồng dáng dữ tợn, với các hình đao mác, tia lửa mang đặc trưng phong cách nửa cuối thế kỷ XVII. Các tấm lá gió được chạm hình đao mác, vân mây, lá lật cùng các dải hoa chanh kéo, tạo cho gác chuông trông rất thanh thoát. Nhìn chung, về nghệ thuật, có thể nói, đây là tam quan có kiến trúc đẹp nhất của nước ta hiện nay[8].

Toàn bộ hệ thống cửa trước bái đường là các cánh cửa "thượng song hạ bản", tại mỗi cánh cửa phía trên là các hàng song, phía dưới chạm các hình hoa lá rất sinh động.

Hệ thống cửa gỗ mặt trước toà bái đường gồm 10 cánh, có kích thước vừa phải, được chạm rất kỹ, thể hiện 10 đề tài khác nhau và dày đặc các hình đao mác. Theo một số nhà nghiên cứu, nếu như bộ cánh cửa tại chùa tháp Phổ Minh tiêu biểu cho kỹ thuật chạm khắc thời Trần thì bộ cánh cửa tại đây tiêu biểu cho phong cách thời Lê Trung hưng.

Đặc biệt ở kiến trúc giữa bái đường và cung giữa (toà đệ nhị) có những tác phẩm chạm lộng, với đề tài trúc hóa long tầng tầng, lớp lớp trông rất sinh động.

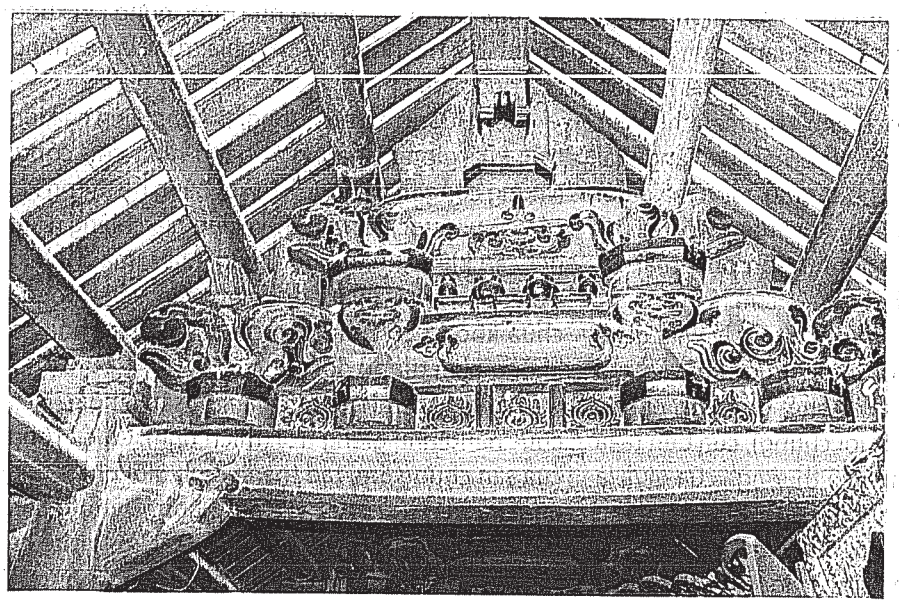

"Vì chồng rường", chùa Keo, Hành Thiện, Nam Định - đầu TK. XVIII - Ảnh: Quốc Vụ

Các pho tượng Phật ở chùa Keo không mang những nét tiêu biểu của hệ thống tượng thờ như các ngôi chùa khác do nhiều nguyên nhân, trải qua nhiều năm chiến tranh, thiên tai, loạn lạc và nhiều lần di chuyển chùa, do vậy các pho tượng dần bị thất lạc. Căn cứ vào đặc điểm chạm khắc và phong cách tượng thì, một

số tượng Phật ở chùa Keo có niên đại vào thế kỷ XVII. Phật điện khá phong phú, với các tượng phản ánh quan niệm "thế gian trụ trì Phật pháp" - cách thờ Phật phải có hình mẫu cụ thể để Phật tử hướng vào, từ đó mà khởi tâm thành, lòng thiện và tin theo[9]. Chùa Keo hiện còn lưu giữ được nhiều di vật quý, như tượng, nhang án, kiệu gỗ, thuyền rồng, bát bửu, hoành phi, câu đối, chuông đồng, khánh đồng, bia đá... trong đó, tiêu biểu nhất là bộ tượng Kim Cương (Hộ pháp) và bộ chấp kích bằng gỗ được các nhà nghiên cứu đánh giá là một trong số những di vật còn đầy đủ và có niên đại sớm ở nước ta hiện nay.

Tượng thờ ở đền thờ thánh có hai pho tượng thiền sư Dương Không Lộ bằng đồng và bằng gỗ. Pho bằng gỗ bạch đàn to bằng người thật, chạm khắc công phu, nổi rõ cả những gân tay, đầu xương, vết rạn da bụng. Tục truyền, pho tượng này có từ khi dựng chùa. Pho tượng có đồng kích thước bằng người thật. Theo tư liệu bi ký, tượng được đúc từ đời Chính Hoà thứ 25 (1704) (?).

Về bia đá: có tất cả bốn tấm bia: một bia ở ngay nghi môn, một bia đặt phía sau tam quan. Hai tấm bia còn lại đặt tại tầng một tam quan, còn nguyên vẹn, chạm khắc đẹp, công phu. Tiêu biểu hơn cả là tấm bia đặt phía bên phải tam quan, có niên hiệu Cảnh Trị (1671), một mặt để "Thần Quang tự Đại Pháp sư bi", mặt kia để "Nam mô A Di Đà Phật". Một điểm nữa đáng chú ý ở tấm bia này là, những con rồng tạc trên bia mang dáng dấp rồng giun, không vẩy. Và, như vậy, có thể kết luận rằng không phải chỉ ở thời Lý - Trần mới có rồng giun (như trước nay một số nhà nghiên cứu khẳng định), mà cả ở thời gian sau, cũng có những con rồng nhỏ, với thân để trơn và có hình dáng tương tự[10].

Nhìn chung, qua kết cấu kiến trúc và ứng xử của dân với chùa (xưa nay không có sư) thì chùa Keo, làng Hành Thiện có tính chất thờ thánh đậm đặc hơn thờ Phật.

Mặc dù đã trải qua nhiều lần tu sửa, nhưng cho đến nay chùa vẫn còn giữ được nhiều nét kiến trúc từ thời khởi dựng. Chùa không có xu hướng vươn theo chiều cao, mà dàn trải theo mặt bằng, xuất phát từ ý thức muốn mở rộng đất đai và ý thức chưa đẩy thần linh lên cao, thần chưa tách biệt mà vẫn gần gũi với thế nhân để sẵn sàng phù hộ con người[11].

Theo truyền thống của dân làng Hành Thiện, lễ hội được tổ chức hai lần một năm (theo lịch Âm) để tưởng nhớ thiền sư Không Lộ. Lần thứ nhất là hội xuân, được tổ chức vào ngày mùng 9 tháng Giêng. Hội có tục nam mặc giả nữ vào tế. Hội chính được tổ chức vào tháng Chín. Trước đây mở hội từ ngày mồng 2 đến ngày 16 tháng 9, nhưng từ năm 1925, 1926 tới nay, tổ chức từ mùng 8 tháng 9 đến 16 tháng 9 hàng năm. Trong lễ hội có diễn xướng nghi lễ, tế, rước, các trò diễn, trò chơi dân gian để ôn lại sự tích của thiền sư Dương Không Lộ liên quan đến nghề sông nước cũng như diễn xướng đề cập đến công tích của ngài, đặc biệt có tục thi bơi chải để nhằm cầu mưa và cả cầu tạnh.

Nhân dân làng Hành Thiện cho rằng, theo thuyết phong thuỷ, ngôi chùa có ảnh hưởng rất lớn đến truyền thống của làng, do vậy, từ xưa đến nay làng có nhiều người đỗ đạt, vinh hiển, là nơi có nhiều nhà khoa bảng bậc nhất ở miền Bắc. Truyền thống đó đến nay vẫn được các thế hệ làng Hành Thiện gìn giữ, bảo tồn và phát huy. Do vậy, lòng dân Hành Thiện vẫn giữ nguyên sự kính trọng, tri ân vị thánh tổ của làng - thiền sư Dương Không Lộ. Chùa Keo cũng như lễ hội tại đây có vị trí rất thiêng liêng đối với dân vùng Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình... nói chung và làng Hành Thiện nói riêng.

K.M.K

Chú thích:

1- *Những huyền thoại nhà Phật*, 1994, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr. 29.

2- *Thiền uyển tập anh ngữ lục*, bản chép tay tại Bảo tàng Nam Định.

3- *Lĩnh Nam chích quái*, 1990, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 96.

4- *Nam Định đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc*, 2000, Sở Văn hóa - Thông tin Nam Định, tr. 211.

5- *Một con đường tiếp cận lịch sử*, 2000, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 364 - 390.

6- Chu Quang Trứ , "Chùa "tiền Phật hậu Thánh" - một biểu hiện của kiến trúc Phật giáo Việt Nam", *Sáng giá chùa xưa - Mỹ thuật Phật giáo*, 2001, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

7- *Chùa Keo*, 1974, Sở Văn hóa - Thông tin Thái Bình, tr. 41.

8- Phạm Thị Thu Hương, Những ngôi chùa "Tiền Phật hậu Thánh" ở vùng châu thổ Bắc bộ, *Luận án tiến sĩ Văn hóa học*, 2007, *Viện Văn hóa - Thông tin*.

9- *Một con đường tiếp cận lịch sử*, 2000, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 394.

10- Phạm Thị Thu Hương, Những ngôi chùa "Tiền Phật hậu thánh" ở vùng châu thổ Bắc bộ, *Luận án tiến sĩ Văn hóa học*, 2007, *Viện Văn hóa - Thông tin*.

11- *Chùa Việt*, 1996, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 164.